

Số: 85 /TTr-STC

Hung Yên, ngày 30 tháng 3 năm 2020

TỜ TRÌNH

Về việc đề nghị phê duyệt danh mục, dự toán và kế hoạch lựa chọn nhà thầu Gói thầu: **Mua máy móc, thiết bị y tế phục vụ công tác phòng chống dịch bệnh viêm đường hô hấp cấp do chủng mới vi rút Corona (Covid-19) của Sở Y tế tỉnh Hưng Yên**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HUNG YÊN	
C.V	Số: 4210
ĐẾN	Ngày: 30 / 3 / 2020
	Chuyên: ĐKung
	Lưu hồ sơ:

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên

Căn cứ Luật Đấu thầu năm 2013;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 về việc quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu; số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 về việc quy định chi tiết một số điều của Luật quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Quyết định số 173/QĐ-TTg/QĐ-TTg ngày 01/02/2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc công bố dịch viêm đường hô hấp cấp do chủng vi rút Corona gây ra;

Căn cứ các Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ: số 05/CT-TTg ngày 28 tháng 01 năm 2020; Số 06/CT-TTg ngày 31/01/2020 về việc phòng, chống dịch bệnh viêm phổi cấp do chủng mới của vi rút Corona gây ra;

Căn cứ các Quyết định của Bộ Y tế: số 237/QĐ-BYT ngày 31/01/2020 về việc ban hành kế hoạch đáp ứng với từng độ dịch bệnh viêm đường hô hấp cấp do chủng mới của vi rút Corona (Covid-19); số 904/QĐ-SYT ngày 16/3/2020 về ban hành sổ tay hướng dẫn tổ chức thực hiện cách ly y tế vùng có ổ dịch Covid-19; số 941/QĐ-BYT ngày 17/3/2020 về việc ban hành danh mục trang thiết bị, vật tư tiêu hao và thuốc thiết yếu của 01 khu vực điều trị cách ly người bệnh Covid-19;

Căn cứ Công văn số 104/KCB-NV ngày 01/02/2020 của Cục Quản lý khám, chữa bệnh - Bộ Y tế về việc đảm bảo trang thiết bị, thuốc, vật tư tiêu hao cho các đơn vị cách ly điều trị bệnh viêm đường hô hấp cấp do vi rút Corona (Covid-19) gây ra;

Căn cứ Thông tư số 58/TT-BTC ngày 29/3/2016 của Bộ Tài chính về quy định chi tiết việc sử dụng vốn nhà nước để mua sắm nhằm duy trì hoạt động thường xuyên của cơ quan nhà nước, đơn vị thuộc lực lượng vũ trang nhân dân, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp;

Căn cứ Nghị quyết số 145/2018/NQ-HĐND ngày 13/7/2018 của HĐND tỉnh Hưng Yên ban hành Quy định phân cấp quản lý, sử dụng tài sản công tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Hưng Yên;

Căn cứ các Quyết định của UBND tỉnh Hưng Yên: số 03/2015/QĐ-UBND ngày 28/01/2015 về việc phân cấp, phân công nhiệm vụ thực hiện Luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu trên địa bàn tỉnh; số 261/QĐ-UBND ngày 05/02/2020 về việc giao dự toán và bổ sung kinh phí cho Sở Y tế để thực hiện công tác phòng, chống dịch viêm đường hô hấp cấp do chủng mới của vi rút Corona (nCoV);

Căn cứ Kế hoạch số 15/KH-UBND ngày 01/02/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc triển khai hoạt động đáp ứng bệnh viêm đường hô hấp cấp do chủng mới của vi rút Corona.

Căn cứ Công văn số 600/UBND-TH ngày 19/3/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên về việc tính năng, chất lượng ảnh chụp và công suất của máy X-quang di động.

Theo đề nghị của Sở Y tế tỉnh Hưng Yên tại Tờ trình số 486/TTr-SYT ngày 27/3/2020 về việc đề nghị phê duyệt danh mục, giá trị dự toán và kế hoạch lựa chọn nhà thầu Gói thầu: Mua máy móc, thiết bị y tế của Sở Y tế phục vụ khẩn cấp công tác phòng chống dịch bệnh viêm đường hô hấp cấp do chủng mới vi rút Corona có kèm các Chứng thư số 8620089/CT-BTCVALUE ngày 10/02/2020 của Công ty cổ phần thẩm định giá BTCVALUE và Chứng thư số 112.1/CT-ĐG/ASIAN ngày 23/3/2020 của Công ty cổ phần thẩm định Asian; Sở Tài chính đã tiến hành thẩm định các nội dung trong Tờ trình của đơn vị và báo cáo kết quả thẩm định như sau:

I. Sự cần thiết mua sắm

Ngày 01/02/2020, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 173/QĐ-TTg/QĐ-TTg, trong đó Công bố dịch truyền nhiễm Viêm đường hô hấp cấp do chủng mới của vi rút Corona gây ra tại Việt Nam; Tính chất, mức độ nguy hiểm của dịch: Bệnh truyền nhiễm nhóm A, nguy cơ ở mức độ khẩn cấp toàn cầu.

Ngày 31/12/2019, UBND tỉnh ban hành Quyết định số 261/QĐ-UBND để thực hiện. Do đó, việc thực hiện mua sắm máy móc, thiết bị y tế của Sở Y tế phục vụ công tác phòng chống dịch bệnh viêm đường hô hấp cấp do chủng mới vi rút Corona là rất cần thiết.

II. Sự phù hợp của đề nghị mua sắm

a) Về danh mục hàng hóa mua sắm: hiện nay UBND tỉnh chưa ban hành danh mục máy móc, thiết bị chuyên dùng trong lĩnh vực y tế cho các đơn vị thuộc phạm vi của tỉnh quản lý theo Thông tư số 08/2019/TT-BYT ngày

31/5/2019 của Bộ trưởng Bộ Y tế hướng dẫn tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng thuộc lĩnh vực y tế. Tuy nhiên, vì tính chất, mức độ nguy hiểm của dịch ở mức độ khẩn toàn cầu nên danh mục Sở Y tế đề xuất tại Tờ trình số 486/TTr-SYT ngày 27/3/2020 đã phù hợp với nội dung mua sắm tại Quyết định số 261/QĐ-UBND ngày 05/02/2020 của UBND tỉnh để phục vụ công tác phòng chống dịch bệnh nCoV. Danh mục tài sản đề nghị mua sắm sẽ được tích hợp trong Quyết định của cấp có thẩm quyền phê duyệt tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng thuộc lĩnh vực y tế của tỉnh.

b) *Về nguồn kinh phí mua sắm:* Nguồn dự phòng ngân sách tỉnh năm 2020 giao cho Sở Y tế tại Quyết định số 261/QĐ-UBND ngày 05/02/2020 là 29.475.000.000 đồng để mua sắm máy móc, thiết bị phòng chống dịch bệnh viêm đường hô hấp cấp do chủng mới vi rút Corona.

Như vậy, việc xây dựng danh mục, dự toán mua sắm máy móc, thiết bị y tế phục vụ khẩn cấp công tác phòng chống dịch bệnh viêm đường hô hấp cấp do chủng mới vi rút Corona của Sở Y tế tại Tờ trình số 486/TTr-SYT ngày 27/3/2020 đã bảo đảm phù hợp với quy định tại Quyết định số 173/QĐ-TTg/QĐ-TTg ngày 01/02/2020 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 261/QĐ-UBND ngày 05/02/2020 của UBND tỉnh.

III. Về Kế hoạch lựa chọn nhà thầu

3.1. Dự toán chi tiết

- Tên dự toán: mua sắm máy móc, thiết bị y tế phục vụ công tác phòng chống dịch bệnh viêm đường hô hấp cấp do chủng mới vi rút Corona.
- Tổng dự toán: **27.716.034.500 đồng** (*Bằng chữ: Hai mươi bảy tỷ bảy trăm mười sáu triệu không trăm ba mươi tư nghìn năm trăm đồng*); bao gồm:
 - + *Chi phí lập cấu hình:* 91.772.000 đồng
 - + *Chi phí thẩm định giá:* 90.150.000 đồng
 - + *Chi phí mua sắm máy móc, thiết bị y tế:* 27.275.000.000 đồng
 - + *Chi phí tư vấn LCNT:* 81.825.000 đồng
 - + *Chi phí tư vấn giám sát lắp đặt thiết bị:* 177.287.500 đồng
- Chủ đầu tư: Sở Y tế Hưng Yên.
- Nguồn vốn: Nguồn dự phòng ngân sách tỉnh năm 2020 giao cho Sở Y tế tại Quyết định số 261/QĐ-UBND ngày 05/02/2020 của UBND tỉnh Hưng Yên.
- Thời gian thực hiện: Trong quý II năm 2020.
- Địa điểm thực hiện: Sở Y tế Hưng Yên

3.2. Tóm tắt nội dung văn bản trình duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu:

- Tổng giá trị phần công việc đã thực hiện: **181.922.000** đồng;
- Tổng giá trị phần công việc không áp dụng được một trong các hình thức lựa chọn nhà thầu: **0** đồng;
- Tổng giá trị phần công việc thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu: **27.534.112.500** đồng;
- Tổng giá trị phần công việc chưa đủ điều kiện lập kế hoạch lựa chọn nhà thầu: **0** đồng;
- Tổng giá trị các phần công việc (1+2+3+4): **27.716.034.500** đồng

3.3. Tổng hợp kết quả thẩm định

a) Căn cứ pháp lý để lập kế hoạch lựa chọn nhà thầu:

* Tổng hợp kết quả thẩm định về căn cứ pháp lý:

Kết quả thẩm định về căn cứ pháp lý của việc lập kế hoạch lựa chọn nhà thầu được tổng hợp như sau:

TT	Nội dung kiểm tra	Kết quả thẩm định	
		Có	Không
1	Quyết định phê duyệt dự toán: Quyết định số 261/QĐ-UBND ngày 05/02/2020 của UBND tỉnh Hưng Yên về việc giao dự toán và bổ sung kinh phí cho Sở Y tế để thực hiện công tác phòng, chống dịch viêm đường hô hấp cấp do chủng mới của vi rút Corona (nCoV)	x	
2	Các văn bản pháp lý liên quan: Quyết định số 173/QĐ-TTg/QĐ-TTg ngày 01/02/2020 của Thủ tướng Chính phủ; các Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ: số 05/CT-TTg ngày 28/01/2020; Số 06/CT-TTg ngày 31/01/2020; các văn bản: số 104/KCB-NV ngày 01/02/2020 của Bộ Y tế; số 752/BKHĐT-QLĐT ngày 10/02/2020.	x	
3	Chứng thư số 8620089/CT-BTCVALUE ngày 10/02/2020 của Công ty cổ phần thẩm định giá BTCVALUE; Chứng thư số 112.1/CT-ĐG/ASIAN ngày 23/3/2020 của Công ty cổ phần thẩm định Asian.	x	

* Ý kiến thẩm định về căn cứ pháp lý:

Các căn cứ pháp lý trên đủ điều kiện để lập Kế hoạch lựa chọn nhà thầu Gói thầu: Mua máy móc, thiết bị y tế phục vụ công tác phòng chống dịch bệnh viêm đường hô hấp cấp do chủng mới vi rút Corona của Sở Y tế Hưng Yên.

b) Phân chia thành các gói thầu:

Theo báo cáo của của Sở Y tế tại tại Tờ trình số 486/TTr-SYT ngày 27/3/2020 thì Sở Y tế phân chia thành 07 gói thầu và việc phân chia gói thầu như vậy là để đảm bảo tính chất đồng bộ về mặt kỹ thuật và tính đặc thù của từng loại hàng hóa, thuận lợi cho việc lựa chọn nhà thầu và đảm bảo các điều kiện cần thiết phục vụ công tác phòng chống dịch bệnh viêm đường hô hấp cấp do chủng mới vi rút Corona gây ra theo quy định tại Điều 22 Luật Đấu thầu; cụ thể như sau:

- Gói thầu số 01: Mua máy thở
- Gói thầu số 02: Mua máy Xquang di động
- Gói thầu số 03: Mua thiết bị làm sạch không khí
- Gói thầu số 04: Mua máy hút dịch
- Gói thầu số 05: Tư vấn lập HSYC, đánh giá HSDX
- Gói thầu số 06: Tư vấn thẩm định HSYC, kết quả LCNT
- Gói thầu số 07: Tư vấn giám sát lắp đặt thiết bị

* Nhận xét: Việc phân chia các gói thầu của Sở Y tế tại Tờ trình số 486/TTr-SYT ngày 27/3/2020 phù hợp theo tính chất của từng nội dung công việc thực hiện và các quy định tại Điều 22, Điều 28 Luật Đấu thầu và Điều 9, Điều 11 Nghị định số 63/2014/NĐ-CP của Chính phủ; để bảo đảm khi tổ chức lựa chọn nhà thầu và thực hiện hợp đồng phù hợp với kế hoạch mua sắm và kế hoạch phòng chống dịch nCoV của tỉnh.

c) Lý do đề xuất chỉ định thầu đối với các Gói thầu số 01, 02, 03, 04: Căn cứ Quyết định số 173/QĐ-TTg ngày 01/02/2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc công bố dịch viêm đường hô hấp cấp do chủng mới của virus Corona gây ra (bệnh truyền nhiễm nhóm A, nguy cơ ở mức độ khẩn cấp toàn cầu); văn bản số 752/BKHĐT-QLĐT ngày 10/02/2020 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư; Văn bản số 384/BYT-KHTC ngày 31/01/2020 của Bộ Y tế và đề nghị Thủ tướng Chính phủ cho phép áp dụng cơ chế đặc thù trong phòng chống dịch nCov được mua sắm theo hình thức chỉ định thầu và qua tham khảo tại một số tỉnh Thái Bình, Quảng Ninh, Hải Dương ... áp dụng hình thức lựa chọn nhà thầu cung cấp trang thiết bị y tế phòng chống dịch bệnh viêm phổi cấp do virus Corona bằng hình thức chỉ định thầu. Đối với Gói thầu số 07 áp dụng hình thức lựa chọn nhà thầu là chỉ định thầu thông thường để đảm bảo phù hợp theo quy định tại Điều 54 Nghị định 63/2014/NĐ-CP của Chính Phủ và Khoản 2 Điều 15 Thông tư số 58/TT-BTC của Bộ Tài chính.

3.4. Nội dung tờ trình phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu:

a) Phần công việc không thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu:

- Phần công việc đã thực hiện: **181.922.000** đồng

- Phần công việc không áp dụng được một trong các hình thức lựa chọn nhà thầu: **0** đồng

- Phần công việc chưa đủ điều kiện lập kế hoạch lựa chọn nhà thầu: không.

b) Phần công việc thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu:

Kết quả thẩm định nội dung kế hoạch lựa chọn nhà thầu tổng hợp như sau:

STT	Nội dung thẩm định	Kết quả thẩm định	
		Phù hợp	Không phù hợp
1	Tên gói thầu	x	
2	Giá gói thầu	x	
3	Nguồn vốn	x	
4	Hình thức lựa chọn nhà thầu	x	
5	Phương thức lựa chọn nhà thầu	x	
6	Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu	x	
7	Loại hợp đồng	x	
8	Thời gian thực hiện hợp đồng	x	

IV. Nhận xét và kiến nghị

1. Nhận xét

Qua tổng hợp và thẩm định hồ sơ của Sở Y tế trình phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu Gói thầu: mua sắm máy móc, thiết bị y tế phục vụ công tác phòng chống dịch bệnh viêm đường hô hấp cấp do chủng mới vi rút Corona; các căn cứ pháp lý có được đủ điều kiện để lập kế hoạch lựa chọn nhà thầu, nội dung các phần công việc trong kế hoạch lựa chọn nhà thầu phù hợp với các quy định của pháp luật và thực tiễn hiện nay.

Trên cơ sở đó, Sở Tài chính thống nhất với đề nghị của Sở Y tế tại Tờ trình số 486/TTr-SYT ngày 27/3/2020 về việc phê duyệt danh mục, dự toán và kế hoạch lựa chọn nhà thầu Gói thầu: mua sắm máy móc, thiết bị y tế phục vụ công tác phòng chống dịch bệnh viêm đường hô hấp cấp do chủng mới vi rút Corona của Sở Y tế Hưng Yên. ✓

2. Kiến nghị

Trên cơ sở các nội dung đề nghị của Sở Y tế và kết quả thẩm định, phân tích nêu trên; Sở Tài chính đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định sau khi có ý kiến thống nhất của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh:

2.1. Phê duyệt danh mục, dự toán mua sắm, cụ thể:

- Tên dự toán: mua sắm máy móc, thiết bị y tế phục vụ công tác phòng chống dịch bệnh viêm đường hô hấp cấp do chủng mới vi rút Corona.

- Tổng dự toán: **27.716.034.500 đồng** (*Bằng chữ: Hai mươi bảy tỷ bảy trăm mười sáu triệu không trăm ba mươi tư nghìn năm trăm đồng*); bao gồm:

+ Chi phí lập cấu hình: 91.772.000 đồng

+ Chi phí thẩm định giá: 90.150.000 đồng

+ Chi phí mua sắm máy móc, thiết bị y tế (*Theo Phụ lục chi tiết số 01 đính kèm Tờ trình này*): 27.275.000.000 đồng

Giá mua sắm máy móc, thiết bị trên là giá thanh toán tối đa đã bao gồm chi phí vận chuyển, lắp đặt, hướng dẫn sử dụng tại bên mua, bảo hành theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất và thuế GTGT theo quy định. Đối với hàng hóa nhập khẩu phải đảm bảo đầy đủ hồ sơ CO, CQ theo quy định của pháp luật.

+ Chi phí tư vấn LCNT: 81.825.000 đồng

+ Chi phí tư vấn giám sát lắp đặt thiết bị: 177.287.500 đồng

(Tổng dự toán mua sắm chi tiết theo Phụ lục số 02 đính kèm Tờ trình này)

- Chủ đầu tư: Sở Y tế Hưng Yên.

- Nguồn vốn: Nguồn dự phòng ngân sách tỉnh năm 2020 giao cho Sở Y tế tại Quyết định số 261/QĐ-UBND ngày 05/02/2020 của UBND tỉnh Hưng Yên.

- Thời gian thực hiện: Quý I năm 2020.

- Địa điểm thực hiện: Sở Y tế Hưng Yên

- Nội dung và quy mô: theo Phụ lục số 01 đính kèm Tờ trình này.

2.2. Phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu: (*Chi tiết theo Phụ biểu số 03 đính kèm Tờ trình này*)

2.3. Giao cho Bên mời thầu lựa chọn cá nhân, tổ chức có chức năng giám sát, theo dõi để đảm bảo các nội dung trong kế hoạch lựa chọn nhà thầu được thực hiện theo đúng các quy định của pháp luật về đấu thầu và phê duyệt kết quả

lựa chọn nhà thầu trên cơ sở báo cáo về kết quả đấu thầu và báo cáo thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu theo quy định.


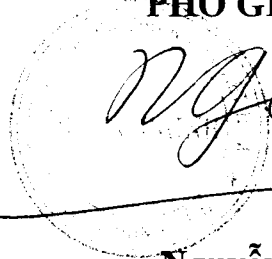
Trên đây là báo cáo thẩm định của Sở Tài chính về các nội dung trong mua sắm máy móc, thiết bị y tế phục vụ công tác phòng chống dịch bệnh viêm đường hô hấp cấp do chủng mới vi rút Corona của Sở Y tế, kính trình Ủy ban nhân dân tỉnh làm căn cứ xem xét, phê duyệt sau khi có ý kiến thống nhất của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh theo quy định./.

(Tờ trình này thay thế Tờ trình số 59/TTr-STC ngày 09/3/2020 của Sở Tài chính)

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Các Phó giám đốc sở;
- Lưu VT, QLGCS^N.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Nguyễn Đức Tài

PHỤ LỤC SỐ 01: CHI TIẾT DANH MỤC, GIÁ TRỊ DỰ TOÁN TÀI SẢN MUA SẴM VÀ ĐƠN VỊ THỤ HƯỞNG

(Kèm theo Tờ trình số 85/TT-STC ngày 30/3/2020 của Sở Tài chính Hưng Yên)

STT	Tên hàng hóa, thông số kỹ thuật	Hãng sản xuất	Xuất xứ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Đơn vị thụ hưởng
1	Máy thở (máy giúp thở) - Model: Puritan Bennett 840 - Hãng sản xuất : Covidien / thuộc tập đoàn Medtronic – Mỹ. - Xuất xứ: Ireland - Năm sản xuất: 2019 trở đi, mới 100% - Điều kiện làm việc của thiết bị: + Nhiệt độ có thể làm việc tối đa đến $\geq 30^{\circ}\text{C}$ + Độ ẩm không khí có thể làm việc tối đa đến $\geq 75\%$ - Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO, CE và FDA 1. Cấu hình bao gồm: - Máy chính kèm màn hình hiển thị: 01 máy - Bộ phụ kiện kèm theo gồm: - Bộ làm ẩm khí thở (mua trong nước): 01 bộ - Bình làm ẩm dùng cho người lớn, trẻ em (mua trong nước): 01 cái - Bình làm ẩm dùng cho trẻ sơ sinh (mua trong nước): 01 cái - Giá đỡ bộ làm ẩm/ấm (mua trong nước): 01 cái - Bộ dây thở sử dụng nhiều lần cho người lớn bằng Silicon (mua trong nước): 01 bộ - Bộ dây thở sử dụng nhiều lần cho trẻ em bằng Silicon (mua trong nước): 01 bộ - Bộ dây thở sử dụng nhiều lần cho trẻ sơ sinh bằng Silicon (mua trong nước): 01 bộ - Phổi giả người lớn để kiểm tra máy (mua trong nước): 01 cái - Phổi giả trẻ em để kiểm tra máy (mua trong nước): 01 cái - Phổi giả trẻ sơ sinh để kiểm tra máy (mua trong nước): 01 cái - Mặt nạ thở người lớn (mua trong nước): 01 cái - Mặt nạ thở trẻ em (mua trong nước): 01 cái	Covidien	Ireland	Chiếc	15	800.000.000	12.000.000.000	- BVĐK Phố Nối (10 chiếc), - BV bệnh nhiệt đới (5 chiếc).

	<ul style="list-style-type: none"> - Mặt nạ thở sơ sinh (mua trong nước): 01 cái - Bộ lọc thở ra (kèm bể nước) dùng nhiều lần cho người lớn: 01 bộ - Bộ lọc thở ra (kèm bể nước) dùng một lần cho sơ sinh: 01 bộ - Bộ lọc thở vào dùng nhiều lần: 01 bộ - Bộ dây nối khí O2, khí nén và đầu nối: 01 bộ - Cản đỡ ống thở: 01 cái - Pin dự phòng: 01 cái - Xe đẩy máy: 01 cái - Dây nguồn AC: 01 cái - Tài liệu hướng dẫn sử dụng (tiếng Anh + tiếng Việt): 01 bộ 	<p>2. Tính năng, thông số kỹ thuật</p> <p>Tính năng chung</p> <ul style="list-style-type: none"> - Máy thở loại thông khí xâm nhập (IV) và không xâm nhập (NIV) trên tất cả mode thở: A/C, SIMV, SPONT, PC, VC, PS, PSV - Thông khí trẻ nhỏ từ 0.5 kg, có thể nâng cấp Mode thở Thông khí cho trẻ nhỏ từ 0.3kg đến người lớn với Tidal Volume từ 5mL - 2.500mL - Có chức năng thở N-CPAP chuyên dùng cho sơ sinh 	<ul style="list-style-type: none"> - Dạng sóng hiển thị màu sắc khác nhau cho từng giai đoạn thông khí: Kỳ thở vào (màu xanh); Kỳ thở ra (màu vàng); Tự thở (màu da cam) - Cho phép cài đặt thông số nhanh theo trọng lượng bệnh nhân (IBW) 	<ul style="list-style-type: none"> - Có thanh công thở trong mode PAV+ để có thể đánh giá mức độ hỗ trợ có phù hợp với tình trạng của bệnh nhân hay không giúp bác sỹ đánh giá được khả năng cai thở. - Lọc khí thở vào: Lọc được 99.97% loại vi khuẩn có kích thước nhỏ đến 0.3 µm với lưu lượng khí 100 L/min. Trở kháng của bộ lọc là: ≤ 2.0 cm H2O tại 60 L/min - Lọc khí thở ra: Lọc được 99.97% loại vi khuẩn có kích thước nhỏ đến 0.3 µm với tốc độ lưu lượng khí 100 L/min. Trở kháng của bộ lọc là: nhỏ hơn 												

<p>2.5 cm H₂O tại 100 L/min</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có chức năng Lưu dữ liệu (trending) hơn 53 thông số với thời gian khoảng 72 giờ - Có chức năng thông khí an toàn khi khởi động máy (Safety startup Ventilation) - Có tính năng Apnea (ngưng thở) và cho phép chọn lựa kiểu thở PCV hoặc VCV tùy ý theo bác sĩ. 	<ul style="list-style-type: none"> - Có tính năng tự động bù khí (Leak compensation) - Có tính năng máy tự động ngừng thông khí khi rút ống thở ra khỏi bệnh nhân - Có tính năng thông khí trên 1 ống thở vào khi phát hiện tắt nghẽn đường thở ra (Exhalation occlusion Ventilation) - Có tính năng điều chỉnh độ nhạy kết nối (Disconnect Sensitivity) <p>Phương thức thông khí:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thông khí Hỗ trợ/Điều khiển (A/C) - Thông khí ngắt quãng đồng bộ (SIMV) - Thông khí áp lực dương liên tục (CPAP/SPONT) - Thông khí Điều khiển thể tích (VC) - Thông khí Điều khiển áp lực (PC) - Thông khí Hỗ trợ áp lực (PSV) - Thông khí Điều khiển áp lực đảm bảo thể tích (VC+) - Thông khí Hỗ trợ áp lực đảm bảo thể tích (VS) - Thông khí hai mức áp lực dương (BiLevel/APRV) - Thông khí hỗ trợ tỉ lệ (PAV+) - Thông khí bù ống nội khí quản (Tube compensation) - Thông khí NCPAP cho trẻ sơ sinh - Tự động bù rò rỉ khí thở không xâm lấn (Leak Compensation) - Đo thông số cơ học phổi chuyên sâu (Respiratory Mechanics) - Kiểu thông khí: Xâm lấn & Không xâm lấn - Các thông số cài đặt (Ventilator Settings): - Hỗ trợ áp lực (Psupport): 0 -70 cmH₂O 										
---	---	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

	<ul style="list-style-type: none"> - Rise time %: 1% đến 100% - Độ nhạy thở ra (Esens): 1% đến 80% - Tần số hô hấp (Respiratory rate): 1.0 - 150 nhịp/phút - Thể tích khí lưu thông (Tidal volume): 25 - 2,500 ml/phút, 2-315 với Mode thở cho trẻ sơ sinh - Dòng đỉnh hít vào (Vmax): 3-150 lít/phút với bệnh nhân > 24 kg, 3-60 lít/phút với bệnh nhân ≤ 24 kg, 1-30 lít/phút với Mode thở cho trẻ sơ sinh - Dạng sóng (Flow pattern): Vuông hoặc giảm dần - Thời gian dừng thì hít vào (T_{pl}): 0.0 - 2.0 giây - Áp lực hít vào (Inspiratory pressure): 5 - 90 cmH₂O - Các thông số không thay đổi khi tổng tần số thở thay đổi: Thời gian hít vào T_i, tỉ số I:E hoặc thời gian thở ra T_e - Thời gian hít vào (T_i): 0.2 - 8.0 giây - Tỉ số I:E (I:E ratio): ≤ 1:299 - 4:00:1 - Độ nhạy thở ra (T_e): ≥ 0.2 giây - Loại trigger: Có thể lựa chọn trigger áp lực hoặc trigger dòng - Độ nhạy áp lực (Pressure sensitivity): Từ 0.1 - 20 cmH₂O dưới PEEP - Độ nhạy dòng (Flow sensitivity): 0.2 - 20 lít/phút, 0.1- 10 lít/phút với Mode thở cho trẻ sơ sinh - O₂: 21% - 100% - Áp lực PEEP: 0 - 45 cmH₂O - Thông khí chống ngừng thở Apnea: Có thể cài đặt thông khí chống ngừng thở kiểu kiểm soát thể tích hoặc kiểu kiểm soát Áp Lực. - Thời gian thở vào ở mode Apnea: 0.2 - 8 giây - Thời gian ngừng thở (Apnea Interval): 10 - 60 giây - Tần số thở ở mode Apnea: 2 - 40 nhịp/phút - Độ nhạy ngắt kết nối: 20-95%. Có thể tắt ở chế độ thông khí không xâm lấn Các cài đặt giới hạn cảnh báo (Alarm limits): - Áp lực đường thở cao: 7-100 cmH₂O - Thể tích khí phút thở ra cao: 0.1 - 99.9L hoặc Tắt 										
--	---	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

<ul style="list-style-type: none"> - Thể tích thông khí thở ra cao: 5-3000 ml hoặc Tắt Thể tích thông khí thở vào cao - Tần số hô hấp cao: 10-110 nhịp/phút hoặc tắt - Thể tích thông khí bắt buộc thở ra thấp: 1-2500 mL hoặc Tắt - Thể tích khí phút thở ra thấp: 0.01 - 60L - Thể tích thông khí thở ra của thở tự nhiên thấp: 1-2500ml - Áp lực thở vào thấp <p>Hệ thống theo dõi (Monitor Data):</p> <ul style="list-style-type: none"> - Màn hình kép, mỗi màn hình 10.4 inch, màu, cảm ứng. Màn hình mã hoá màu theo từng giai đoạn thông khí: thở vào, thở ra, tự thở. + Đồ thị áp lực - thời gian, đồ thị dòng chảy-thời gian, đồ thị thể tích - thời gian hoặc đồ thị vòng lặp áp lực - thể tích + Khả năng điều chỉnh các đường chuẩn, tỉ lệ của tung độ/hoành độ. + Dạng sóng sẽ tự động hiển thị và dừng lại khi đo auto-PEEP và toàn bộ PEEP được hiển thị trong suốt quá trình đo + Hiển thị kiểu thở: Điều khiển, hỗ trợ hoặc tự thở và giai đoạn hít vào hoặc thở ra. + Nồng độ oxy của khí thở ra (O₂) + Áp lực dương cuối thì thở ra (PEEP) + Áp lực dương cuối thì thở vào (P_{iend}) + Thể tích khí phút thở ra (V_{etot}) + Thể tích khí lưu thông thở ra (V_{te}) + Thể tích khí lưu thông hít vào (V_{ti}) + Thể tích khí hít vào ở chế độ thở bắt buộc (V_{te mand}) + Tỉ số I:E + Áp lực đỉnh của đường thở (P_{peak}) + Áp lực trung bình của đường thở (P_{mean}) + Thể tích khí phút tự thở (V_{e spont}) + Tổng tần số hô hấp (f_{tot}) + Tỉ lệ tần số thở và thể tích khí lưu thông f_{VVT} Thời gian thở vào của nhịp tự thở (T_{i spont}) + Tỉ số thời gian hít vào/ống thời gian hít vào 										
--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

	<p>(Ti/T tot)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cho phép người sử dụng tạo một nhịp thở bắt buộc (manual) cho bệnh nhân trên cơ sở các thông số cài đặt chế độ bắt buộc hiện thời - Cho phép đo đặc Auto-PEEP và PEEP tổng của bệnh nhân - Cho phép đo và thăm dò động học hô hấp (compliance & Resistant) của bệnh nhân Các chỉ thị tình trạng máy: <ul style="list-style-type: none"> - Hệ thống cảnh báo tự động phân biệt mức độ nguy hiểm: <ul style="list-style-type: none"> + Cảnh báo mức độ CAO + Cảnh báo mức độ TRUNG BÌNH + Cảnh báo mức độ THẤP - Chỉ thị máy hoạt động bình thường. - Chỉ thị khối phân phối nhịp thở hoạt động bình thường. - Chỉ thị máy không được phép thông khí. - Chỉ thị khối giao diện người sử dụng đồ họa hoạt động bình thường. - Chỉ thị khối giao diện người sử dụng không hoạt động được. - Chỉ thị van an toàn mở. - Chỉ thị khối nguồn dự phòng đang sẵn sàng hoạt động. - Chỉ thị máy đang hoạt động trên ắc quy. - Chỉ thị trạng thái ắc quy (đã nạp/đang nạp). - Chỉ thị bộ nén khí sẵn sàng hoạt động. - Chỉ thị bộ nén khí đang cung cấp cho máy thở. Các phím chức năng khác: <ul style="list-style-type: none"> - Screen Lock: Khi phím này được bấm, đèn trên phím sẽ sáng lên, người dùng không thể điều khiển được máy thở qua các phím trên màn hình cảm biến. - Alarm Volume: Điều chỉnh âm lượng của âm thanh cảnh báo. - Alarm Silence: Tạm dừng âm thanh cảnh báo trong vòng 2 phút. - Alarm Reset: Khởi động lại bộ nhớ các cảnh báo. 								
--	---	--	--	--	--	--	--	--	--

	<p>-HELP: Hiện thị các trợ giúp cơ bản trong sử dụng máy.</p> <p>- 100% O2/CAL 2 min: Cho phép cung cấp 100% O2 cho bệnh nhân trong vòng 2 phút/hoặc để chạy cân chỉnh đầu dò O2.</p> <p>-MANUAL INSP: Cho phép người sử dụng tạo một nhịp thở bắt buộc cho bệnh nhân trên cơ sở các thông số cài đặt chế độ bắt buộc hiện thời.</p> <p>- EXP PAUSE: Cho phép đo Auto-PEEP.</p> <p>- INSP PAUSE: Cho phép thực hiện các thăm dò động học hô hấp.</p>									
2	<p>Máy thở xách tay</p> <p>- Model: Puritan Bennett 560</p> <p>- Hãng sản xuất: Covidien/thuộc tập đoàn Medtronic</p> <p>- Xuất xứ: Ireland</p> <p>- Năm sản xuất: 2019 trở đi</p> <p>- Chất lượng máy mới 100%</p> <p>- Điều kiện làm việc của thiết bị:</p> <p>+ Nhiệt độ tối đa đến $\geq 30^{\circ}\text{C}$</p> <p>+ Độ ẩm không khí tối đa đến $\geq 75\%$</p> <p>1. Cấu hình bao gồm:</p> <p>- Máy chính: 01 chiếc</p> <p>- Pin tự sạc loại Lithium-Ion với thời gian vận hành khi mất nguồn điện lên tới 11 giờ: 01 cái</p> <p>- Bộ ống thở dùng nhiều lần bằng silicon: 01 bộ</p> <p>- Bộ đổi nguồn : 1 bộ</p> <p>- Phổi giả để kiểm tra máy : 01 cái</p> <p>- Dây và đầu nối cung cấp khí Oxy: 01 cái</p> <p>- Bộ tài liệu hướng dẫn sử dụng tiếng Anh + Việt: 01 bộ</p> <p>2. Thông số kỹ thuật</p> <p>- Độ ồn: <30 dBA tại 1 m</p> <p>- Máy hỗ trợ khả năng chuyển dữ liệu thông qua thiết bị thẻ nhớ USB.</p> <p>- Các thông số của máy giúp thở kết nối với các tùy chỉnh để báo động giảm thiểu nguy cơ ngừng cài đặt làm sàng không phù hợp.</p> <p>- Tích hợp bộ làm giàu Oxy sử dụng nguồn Oxy áp</p>	Covidien	Ireland	Chiếc	10	250.000.000	2.500.000.000			<p>- TTYT phó Hưng Yên (1 chiếc);</p> <p>- TTYT Tiên Lữ (1 chiếc);</p> <p>- TTYT Phú Cù (1 chiếc);</p> <p>- TTYT Kim Động (1 chiếc);</p> <p>- TTYT Ân Thi (1 chiếc);</p> <p>- TTYT Khoái Châu (1 chiếc);</p> <p>- TTYT Yên Mỹ (1 chiếc);</p> <p>- TTYT Mỹ Hào (1 chiếc);</p> <p>- TTYT Văn Lâm (1 chiếc);</p> <p>- TTYT Văn Giang (1 chiếc).</p>

	<p>suất thấp. Sử dụng bộ công cụ đo để theo dõi mức FiO_2</p> <p>Các chế độ thở:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chế độ thông khí Áp lực dương liên tục CPAP - Hỗ trợ áp lực PSV - Hỗ trợ/điều khiển về áp lực P-A/C - Hỗ trợ/điều khiển về thể tích V-A/C - Chế độ thở đồng bộ ngắt quãng theo thể tích V-SIMV - Chế độ thở đồng bộ ngắt quãng theo áp lực P-SIMV <p>Các thông số cài đặt:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thể tích khí lưu thông (VT): từ 50 đến 2000mL - Áp lực: từ 5 đến 55mbar - Thời gian thở vào: từ 0.3 đến 2.4 giây - Tần số thở: từ 1 đến 60 nhịp/phút - Độ nhạy thở vào: từ 1 đến 5 - Độ nhạy thở ra: từ 5 đến 95% - Vt sigh: từ Vtx1 đến Vtx2 - I/T: từ 20% đến 50% <p>Các thông số theo dõi:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Áp lực đỉnh đường thở vào (PIP): từ 0 đến 99 mbar - Áp lực dương cuối đường thở ra (PEEP): từ 0 đến 99 mbar - Thể tích thở vào (VTI): từ 0 đến 9999ml - Thể tích thở ra (VTE): từ 20 đến 9999ml - Tổng nhịp thở (Rtot): từ 0 đến 99ml - Tỷ lệ I:E (I/E): từ 9:1 đến 1:9:9 - Tỷ lệ I/T (I/T): từ 0 đến 100% - Thời gian thở vào (I Time): từ 0 đến 9.9 giây - Thời gian thở ra (E Time): từ 0 đến 59.9 giây - Thể tích thở vào theo phút: từ 0 đến 99.9 lít - Vt sigh: từ Vtx1 đến Vtx2 - FiO_2: từ 0 đến 99% - Chỉ số ngừng thở (AI): từ 0 đến 99 ev/giờ - Thời gian ngừng thở: từ 0 đến 999 giây - % thở tự nhiên (Spont): từ 0 đến 100% <p>Bảo động:</p>									
--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

<p>- Có thể điều chỉnh âm thanh báo động khoảng từ 65 – 85 dBa tại khoảng cách 1 mét</p> <p>- Các chế độ báo động:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Ngắt kết nối nguồn điện + Lỗi pin, kiểm tra sạc pin, pin còn 3%, nhiệt độ pin cao/thấp + Lỗi sensor FIO₂ + Áp lực thở cao + Tần số thở cao + VTe cao/ VTi cao + Pin yếu + Lưu lượng Oxy thấp + Ngắt kết nối bệnh nhân <p>Nguồn điện:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bộ nguồn AC: 220V/ 50Hz - Loại Pin: Lithium ion - Thời gian hoạt động của Pin: lên tới 11 giờ - Thời gian sạc đầy: tối đa 6 giờ 							
<p>3</p> <p>Máy X-quang di động kỹ thuật số Model: JOLLY 30 PLUS DR</p> <p>Hãng sản xuất: BMI Biomedical International Srl.</p> <p>Nước sản xuất: Ý</p> <p>Xuất xứ: Ý</p> <p>Chất lượng: mới 100%, sản xuất năm 2019 trở về sau</p> <p>Đạt tiêu chuẩn ISO 9001, ISO 13485, CE</p> <p><u>Cấu hình động bộ bao gồm:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - 01 Máy phát cao tần - 01 Bông phát tia - 01 Bộ chuẩn tia - 01 Xe đẩy đồng trục - 01 Xe đẩy đồng bộ - 01 Khôi điều khiển và xử lý ảnh kỹ thuật số - 01 Tâm nhận kỹ thuật số - 01 On áp Lioa: 7,5KV A dài rộng <p>Xuất xứ: Việt Nam</p> <p>- 01 Máy in phim khô (Mua tại Việt Nam)</p> <p>- 01 Bộ tài liệu hướng dẫn sử dụng</p> <p><u>Thông số kỹ thuật chi tiết:</u></p> <p>1. Bông X-quang:</p>	<p>BMI Biomedical International Srl.</p>	<p>Ý</p>	<p>Chiếc</p>	<p>2</p>	<p>3.500.000.000</p>	<p>7.000.000.000</p>	<p>- BVĐK Phố Nối (1 chiếc). - Trung tâm Y tế huyện Ân Thi (1 chiếc).</p>

	<ul style="list-style-type: none"> - Kiểu bóng: Kiểu anode quay - Tốc độ quay của anode: 3.000 vòng/phút - Tiêu điểm: 2 tiêu điểm (tiêu điểm nhỏ 0.6 – tiêu điểm lớn 1.3mm) - Góc đích Anode: 15° - Điện áp cực đại: 130 kV - Trữ lượng nhiệt anode: 107 KHU 2. Bộ chuẩn trực chùm tia: - Vùng khu trú tia: Có thể điều chỉnh tối đa (43x43) cm tại khoảng cách từ nguồn tới ảnh (FFD) 1m - Điều khiển: Bằng tay - Góc quay: ± 90° quanh trục thẳng đứng của bộ chuẩn trực - Tự động tắt nguồn sáng: có thể cài đặt thời gian tự động tắt nguồn sáng từ 5 giây đến 120 giây 3. Tủ điều khiển phát tia cao tần - Tần số: 40 KHz - Dải mA: Điều chỉnh được từ 25 - 400 mA - Dải mAs: Điều chỉnh được từ 0.1 - 320 mAs với 36 bước điều chỉnh. - Dải kV: Điều chỉnh được từ 40 - 125 kV, bước điều chỉnh 1kV. - Công suất tối đa: 32 kW (320 mA – 100 kV @ 100 ms) - Chức năng điều khiển từ điều khiển phát tia cao tần: Được tích hợp với màn hình thu và xử lý ảnh - Các chương trình chụp giải phẫu: 40.000 chương trình. - Lựa chọn kỹ thuật chụp: <ul style="list-style-type: none"> + 3 điểm: kV, mA, thời gian. + 2 điểm: kV, mAs. - Điều khiển phát tia: thông qua công tắc chụp cảm tay kèm cáp nối dài 3-8 m. - Các chức năng an toàn: Có chức năng bảo vệ quá tải về dòng, điện áp, bóng. 4. Xe đẩy đồng bộ: - Kích thước (dài x rộng x cao): 109 x 68 x 158 cm (ở vị trí vận chuyển) 									
--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

<ul style="list-style-type: none"> - Bánh xe: Bọc cao su chống tĩnh điện - Khoảng cách từ tiêu điểm bóng đèn sản: Từ 45 - 200 cm - Trọng lượng tối đa: xấp xỉ 215 kg (Không bao gồm tấm nhân ảnh phẳng) 5. Khối điều khiển, xử lý ảnh kỹ thuật số: - Trạm làm việc: <ul style="list-style-type: none"> Trạm làm việc hiệu suất cao tích hợp chụp số hoá hoàn toàn. Kiểu trạm tất cả trong một (All in One) dùng cho việc điều khiển từ điều khiển phát tia cao tần, thu ảnh và hiển thị ảnh, xử lý ảnh sau khi thu và kết nối DICOM - Bộ xử lý: Tốc độ 1.6 GHz - RAM: 4GB - Ổ cứng: 320 GB với khả năng lưu khoảng 18.000 ảnh - Ổ ghi CD/DVD: Có. - Màn hình: <ul style="list-style-type: none"> + Kiểu màn hình: Màn hình phẳng loại cảm ứng. + Kích thước: 19" + Độ phân giải: 1280x1024 Pixel. + Độ sáng tối đa: 380 nits (380 cd/m²). + Góc nhìn (ngang/dọc): 160°/170° - Các chức năng kết nối Dicom: <ul style="list-style-type: none"> • Các hệ thống PACS và DICOM • Dicom MPPS • Dicom gói 1 (cơ sở, in và danh sách công việc) • Dicom in và chỉnh sửa phim - Phần mềm điều khiển, xử lý ảnh: <ul style="list-style-type: none"> + Quay ảnh + Đảo ảnh + Hài hoà ảnh + Các bộ lọc không gian + Zoom + Quản lý bảng tra cứu LUT + Lựa chọn chuẩn trực điện tử + Phóng đại tám nhân ảnh + Bàn phím ảo 									
---	--	--	--	--	--	--	--	--	--

4	<p>- Các chức năng đo họa: Bao gồm: Ký tự, góc, hiệu chuẩn, lưới lọc, thước đo, thống kê ảnh, khung ảnh, mũi tên, ...</p> <p>6. Tăm phẳng FPD</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kiểu Detector: Tăm phẳng FPD - Chất liệu bán dẫn: Amorphous Silicon (a-Si) - Lớp chuyển đổi: Censium Iode (Csi) - Khu vực điểm ảnh hoạt động: 35 cm x 42,6 cm - Ma trận điểm ảnh: 2.448 x 2.984 = 7.304.832 điểm ảnh - Kích thước điểm ảnh: 143 µm - Dải năng lượng: Từ 40 kVp-150kVp. - Chuyển đổi A/D: 16 bit. - Thời gian hiện ảnh: 1 giây sau khi chụp. - Thời gian xử lý ảnh đầy đủ: 3 giây - Trọng lượng: xấp xỉ 3kg <p>7. Máy in phim khô: Model: 5302 Hãng sản xuất: Agfa NV – Bỉ Xuất xứ: Đức</p> <p>Hàng mới 100%, sản xuất 2019 trở về sau</p> <ul style="list-style-type: none"> - Công nghệ in: In ảnh kỹ thuật số trực tiếp. - Độ phân giải: 320 ppi. - Độ tương phản: 14 bit. - Tốc độ in: 75 phim/h với phim cỡ 14" x 17" (35x43 cm). - Thời gian in phim đầu tiên: 77 giây. - khay nạp phim: 2 khay, mỗi khay chứa được 100 phim. 	AKIDA HOLDI NGS	Mỹ	Chiếc	45	120.000.000	5.400.000.000	<ul style="list-style-type: none"> - BVĐK tỉnh (3 chiếc); - BVĐK Phố Nối (3 chiếc); - BV bệnh nhiệt đới (3 chiếc); - BV Phôi (3 chiếc); - BV Sản Nhi (3 chiếc); - TTYT t.phố Hưng Yên (3
---	--	-----------------------	----	-------	----	-------------	---------------	--

	<ul style="list-style-type: none"> - Chất lượng: Mới 100% - Đạt tiêu chuẩn chất lượng quốc tế: ISO 9001 hoặc 13485 hoặc FDA - Điện áp sử dụng: 220V, 50Hz - Môi trường làm việc của thiết bị: <ul style="list-style-type: none"> + Nhiệt độ tối đa đến $\geq 30^{\circ}\text{C}$ + Độ ẩm không khí tối đa đến $\geq 75\%$ - Cấu hình cho môi máy gồm <ul style="list-style-type: none"> - Máy chính + Phụ kiện lắp đặt : 01 Bộ - Tài liệu hướng dẫn sử dụng tiếng Anh và tiếng Việt: 01 Bộ - Đặc tính và Thông số Kỹ thuật <ul style="list-style-type: none"> - Thiết bị Sử dụng công nghệ diệt khuẩn kép quang hóa với xúc tác TiO_2 cấp độ nanomet đang ứng có hoạt tính cao kết hợp với ánh sáng bước sóng 254nm. - Thiết bị có khả năng loại bỏ khỏi không khí mầm bệnh, nấm mốc, vi khuẩn, virus, ethylen, các chất hữu cơ bay hơi kể cả hạt nhỏ hơn rất nhiều 0.3 micron và chất vô cơ dễ oxy hóa tạo thành các chất vô hại, trả lại nguồn không khí trong sạch. - Thiết bị không sản sinh chất có hại, không tạo ra ô zôn. - Thông số kỹ thuật: <ul style="list-style-type: none"> - Kích thước: 52 x 56,5 x 11,5 cm - Trọng lượng: 8,63 kg - Độ ồn: 42 dB - Điện áp: 100-240 V - Dòng điện lớn nhất: 1,0 A - Tần số: 50/60 Hz - Công suất tiêu thụ : 73 W - Kích thước phòng phòng nhỏ: 68 m³ - Vỏ thiết bị: vỏ cách nhiệt composite - Màu sắc: trắng - Lắp đặt: treo trên tường hoặc trần - Bảo trì hàng năm: thay thế đèn phản ứng 	Devilbiss Healthca re, LLC	Mỹ	Chiếc	15	25.000.000	375.000.000	<ul style="list-style-type: none"> chiếc); - TTYT Tiên Lữ (3 chiếc); - TTYT Phú Cù (3 chiếc); - TTYT Kim Động (3 chiếc); - TTYT Ân Thi (3 chiếc); - TTYT Khoái Châu (3 chiếc); - TTYT Yên Mỹ (3 chiếc); - TTYT Mỹ Hào (3 chiếc); - TTYT Văn Lâm (3 chiếc); - TTYT Văn Giang (3 chiếc).
5	<p>Máy hút dịch</p> <p>1. Yêu cầu chung:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Model: 7314P-NE 	Devilbiss Healthca re, LLC	Mỹ	Chiếc	15	25.000.000	375.000.000	<ul style="list-style-type: none"> - BVĐK tỉnh (1 chiếc); - BVĐK Phó Nội (1 chiếc);

	<p>- Hãng sản xuất: Devilbiss Healthcare, LLC - Xuất xứ: Mỹ - Năm sản xuất: Năm 2020 - Chất lượng máy: Mới 100% - Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 - Nguồn cung cấp: 1 pha, 220V, 50 Hz</p> <p>2. Cấu hình: Máy hút dịch hoàn chỉnh bao gồm: - Máy chính: 1 Chiếc - Bình hút dung tích 800 ml: 1 Chiếc - Cuộn ống hút: 1 Bộ - Pin (tích hợp sẵn): 1 Chiếc - Tủ đựng máy từ nhà sản xuất: 1 Chiếc - Phụ kiện tiêu chuẩn: 1 Bộ - Tài liệu hướng dẫn sử dụng (Anh/Việt): 1 Bộ.</p> <p>3. Đặc tính và thông số kỹ thuật Tốc độ: 27 lít/phút; Đại áp lực hút: 50 – 550 mmHg Chế độ hoạt động: Liên tục Dung tích bình hút: 800 cc; Trọng lượng: 3 kg Kích thước: (Cao x Rộng x Sâu) 21,1 cm x 20,3 cm x 21,6 cm; Nguồn điện: 100 – 240VAC, 50/60 Hz Nhiệt độ môi trường hoạt động: 00C – 400C.</p>						<ul style="list-style-type: none"> - BV bệnh nhiệt đới (1 chiếc); - BV Phôi (1 chiếc); - BV Sản Nhi (1 chiếc); - TTYT t. phó Hưng Yên (1 chiếc); - TTYT Tiên Lữ (1 chiếc); - TTYT Phù Cừ (1 chiếc); - TTYT Kim Động (1 chiếc); - TTYT Ân Thi (1 chiếc); - TTYT Khoái Châu (1 chiếc); - TTYT Yên Mỹ (1 chiếc); - TTYT Mỹ Hào (1 chiếc); - TTYT Văn Lâm (1 chiếc); - TTYT Văn Giang (1 chiếc).
	TỔNG CỘNG	90				27.275.000.000	

PHỤ LỤC SỐ 02: BẢNG TỔNG HỢP GIÁ TRỊ DỰ TOÁN MUA SẴM*(Đính kèm Tờ trình 85/TT-STC ngày 30/3/2020 của Sở Tài chính Hưng Yên)*

STT	Nội dung chi phí	Hệ số	Cách tính	Giá trị trước thuế	Giá trị sau thuế	Ghi chú
I	Chi phí thiết bị		(1+2)	24.795.454.545	27.275.000.000	
1	Mua máy thở			13.181.818.182	14.500.000.000	
2	Mua máy Xquang di động			6.363.636.364	7.000.000.000	
3	Mua thiết bị làm sạch không khí			4.909.090.909	5.400.000.000	
4	Mua máy hút dịch			340.909.091	375.000.000	
II	Chi phí tư vấn mua sắm		(1+...+4)	400.940.455	441.034.500	
1	Chi phí thẩm định giá			81.954.545	90.150.000	
2	Chi phí lập cấu hình, thông số kỹ thuật và dự toán			83.429.091	91.772.000	
3	Chi phí tư vấn lựa chọn nhà thầu			74.386.364	81.825.000	
3.1	Chi phí tư vấn lập HSMT, đánh giá HSDT			49.590.909	54.550.000	
3.1.1	Chi phí lập hồ sơ mời thầu	0,100%	Gtb x 0,1%	24.795.455	27.275.000	
3.1.2	Chi phí đánh giá hồ sơ dự thầu	0,100%	Gtb x 0,1%	24.795.455	27.275.000	
3.2	Chi phí tư vấn thẩm định HSMT và đánh giá KQLCNT		(1+...+2)	24.795.455	27.275.000	
3.2.1	Chi phí thẩm định HSMT	0,050%	Gtb x 0,05%	12.397.727	13.637.500	
3.2.2	Chi phí thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu	0,050%	Gtb x 0,05%	12.397.727	13.637.500	
4	Chi phí tư vấn giám sát, lắp đặt thiết bị	0,715%	Gtb x 0,715%	161.170.455	177.287.500	
	TỔNG CỘNG		(I+II)		27.716.034.500	

PHỤ LỤC SỐ 03: KẾ HOẠCH LỰA CHỌN NHÀ THẦU

(Kèm theo Tờ trình số *K5* /TT-STC ngày 30/3/2020 của Sở Tài chính Hưng Yên)

TT	Tên gói thầu	Giá gói thầu (đồng)	Nguồn vốn	Hình thức, phương thức lựa chọn nhà thầu		Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu	Loại hợp đồng	Thời gian thực hiện hợp đồng
				Chi định thầu	Chi định thầu rút gọn			
1	Gói 01. Mua máy thở	14.500.000.000	Tư nguồn dự phòng ngân sách tỉnh năm 2020 tại Quyết định số 261/QĐ-UBND ngày 05/02/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên.	Chi định thầu	Chi định thầu rút gọn	Quý II/2020	Trọn gói	60 ngày
				Chi định thầu	Chi định thầu	Quý II/2020	Trọn gói	60 ngày
2	Gói 02. Mua máy X quang di động	7.000.000.000		Chi định thầu	Chi định thầu rút gọn	Quý II/2020	Trọn gói	60 ngày
				Chi định thầu	Chi định thầu	Quý II/2020	Trọn gói	60 ngày
3	Gói 03. Mua thiết bị làm sạch không khí	5.400.000.000		Chi định thầu	Chi định thầu rút gọn	Quý II/2020	Trọn gói	60 ngày
				Chi định thầu	Chi định thầu	Quý II/2020	Trọn gói	60 ngày
4	Gói 04. Mua máy hút dịch	375.000.000		Chi định thầu	Chi định thầu rút gọn	Quý II/2020	Trọn gói	60 ngày
				Chi định thầu	Chi định thầu	Quý II/2020	Trọn gói	60 ngày
5	Gói 05. Tư vấn lập HSYC, đánh giá HSDX	54.550.000		Chi định thầu	Chi định thầu rút gọn	Quý II/2020	Trọn gói	30 ngày
				Chi định thầu	Chi định thầu	Quý II/2020	Trọn gói	30 ngày
6	Gói 06. Tư vấn thẩm định HSYC, kết quả lựa chọn nhà thầu	27.275.000		Chi định thầu	Chi định thầu rút gọn	Quý II/2020	Trọn gói	30 ngày
				Chi định thầu	Chi định thầu	Quý II/2020	Trọn gói	30 ngày
7	Gói 07. Tư vấn giám sát lắp đặt thiết bị	177.287.500		Chi định thầu	Chi định thầu rút gọn	Quý II/2020	Trọn gói	60 ngày
				Chi định thầu	Chi định thầu	Quý II/2020	Trọn gói	60 ngày
TỔNG CỘNG (1+...+7)		27.534.112.500						

